TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3417/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 8 - 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Dưỡng

2. Bà Nguyễn Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc B - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2338/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2022 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4275/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 5022/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị G, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: 7, đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy C, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: 7, đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2022, bản tự khai, biên bản không thể tiến hành hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ngô Thị G trình bày:

Bà và ông C tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2003, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01 ngày 07/01/2003. Ngay từ những ngày đầu chung sống, vợ chồng đã không hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông C thường xuyên đánh đập vợ con, khiến cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, tinh cảm vợ chồng không còn. Rất nhiều lần, bà đã cố gắng bỏ qua những lỗi lầm

của ông C để vợ chồng cùng nuôi dạy các con chung và xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng mẫu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Những mâu thuẫn này kéo dài và cả hai không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2022 cho đến nay, bà và ông C đã không còn chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến ai. Nay tại Tòa, bà yêu cầu ly hôn dứt khoát với ông C vì không còn tình cảm.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung: Nguyễn Ngô Duy S, sinh ngày 26/7/2004 và Nguyễn Ngô Tuyết N, sinh ngày 20/8/2011. Bà yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Ngô Tuyết N, sinh ngày 20/8/2011 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Ngô Tuyết N. Riêng con chung Nguyễn Ngô Duy S, sinh ngày 26/7/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Duy C vắng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị G được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Duy C.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Ngô Tuyết N, sinh ngày 20/8/2011 cho bà Ngô Thị G trực tiếp nuôi dưỡng. Con chung tên Nguyễn Ngô Duy S, sinh ngày 26/7/2004 đã trưởng thành nên muốn ở với ai tùy ý. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thị G không yêu cầu ông Nguyễn Duy C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Hai bên khai tự giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà G khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Ngô Thị G xin ly hôn ông Nguyễn Duy C, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Nguyễn Duy C hiện đang cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp của vợ chồng. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh kiểm sát việc tuân theo pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông Nguyễn Duy C nhưng ông C vắng mặt không có lý do, cụ thể:

Ngày 16/01/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý số 2491/TB – TLVA ngày 18/10/2022, giấy triệu tập đương sự ngày 16/01/2023 tại số nhà G, đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở Ủy ban nhân dân phường T; Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu ông Nguyễn Duy C có mặt tại Tòa án vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 09/02/2023 để cung cấp lời khai;

Ngày 20/02/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai giấy triệu tập đương sự ngày 15/02/2023 tại số nhà G, đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở Ủy ban nhân dân phường T; Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu ông Nguyễn Duy C có mặt tại Tòa án vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 08/03/2023 để cung cấp lời khai;

Ngày 18/4/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 252/2023/TB-TA ngày 18/4/2023, giấy triệu tập đương sự ngày 18/4/2023 tại số nhà G, đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở Ủy ban nhân dân phường T; Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu ông Nguyễn Duy C có mặt tại Tòa án vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 12/5/2023 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải;

Ngày 16/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 2338/2023/TB-TA ngày 07/6/2023, giấy triệu tập đương sự ngày 07/6/2023 tại số nhà G, đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, trụ sở Ủy ban nhân dân phường T, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu ông Nguyễn Duy C có mặt tại Tòa án vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 03/7/2023 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải;

Ngày 22/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4275/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 17/7/2023, giấy triệu tập đương sự ngày 17/7/2023 tại số nhà G, đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, trụ sở Ủy ban nhân dân phường T, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu ông Nguyễn Duy C có mặt tại Tòa án vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 09/8/2023 để tham gia phiên tòa;

Ngày 15/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức tiến hành niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên tòa số 5022/2023/QĐST – HNGĐ ngày 09/8/2023, giấy triệu tập đương sự ngày 09/8/2023 tại số nhà G, đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, trụ sở Ủy ban nhân dân phường T, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu ông Nguyễn Duy C có mặt tại Tòa án vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 31/8/2023 để tham gia phiên tòa.

Bị đơn ông Nguyễn Duy C vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Duy C.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị G yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Duy C, Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2003, bà G và ông C tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01 ngày 07/01/2003. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của bà G và ông C được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà G xác định cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc cho cả hai vợ chồng, mục đích hôn nhân cũng không đạt được, hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm nên không tìm được tiếng nói chung của vợ chồng. Bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C. Bị đơn ông C vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà G và ông C tại Ủy ban nhân dân phường T và kết quả trả lời với nội dung: Đối với mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị G và ông Nguyễn Duy C địa phương chưa thấy phát sinh mâu thuẫn gia đình. Trong quá trình giải quyết hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng yêu cầu bà G và ông C có mặt để cung cấp lời khai, tham gia hòa giải để Tòa án động viên hai bên suy nghĩ, nhìn nhận lại tình cảm vợ chồng, bỏ qua mọi thiếu sót để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng ông C vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, cho thấy ông C đã không còn thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình cũng như duy trì mối quan hệ hôn nhân này. Phía bà G vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông C. Bà G cho rằng cả hai đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy mục đích hôn nhân của bà G và ông C không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định giữa bà G và ông C không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị G được ly hôn ông Nguyễn Duy C.

- Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà G và tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Bà G và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Ngô Duy S, sinh ngày 26/7/2004 và Nguyễn Ngô Tuyết N, sinh ngày 20/8/2011. Bà G yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Ngô Tuyết N, sinh ngày 20/8/2011, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bà G trình bày hiện nay trẻ N đang

ở cùng bà. Tại bản tự khai ngày 21/03/2023, trẻ N cho biết mong muốn được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo điều kiện ổn định về mặt chỗ ở cũng như sự phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ N, Hội đồng xét xử giao con chung tên Ngô Thị Tuyết N1, sinh ngày 20/8/2011 cho bà Ngô Thị G trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức về phần con chung là có cơ sở. Riêng con chung tên Nguyễn Ngô Duy S, sinh ngày 26/7/2004 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Bà G không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà G không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận sự tự nguyện của bà G không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà G khai tài sản chung tự thỏa thuận, ông C không có ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở và phù hợp với các quy định pháp luật nên được chấp nhận.

- Về nợ chung: Bà G khai không có, ông C không có ý kiến về phần nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở và phù hợp với các quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Ngô Thị G chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0028731 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà G đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 và Điều 51, 55, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị G về việc ly hôn: Bà Ngô Thị G được ly hôn ông Nguyễn Duy C (Giấy chứng nhận kết

hôn số 01, quyển số 01 ngày 07/01/2003 tại Ủy ban nhân dân phường, huyện T, tỉnh Tây Ninh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án phát sinh hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngô Tuyết N, sinh ngày 20/8/2011 cho bà Ngô Thị G trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng con chung Nguyễn Ngô Duy S, sinh ngày 26/7/2004 đã trưởng thành nên muốn ở với ai tùy ý.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Ngô Thị G không yêu cầu ông Nguyễn Duy C cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên thi hành tại cơ quan có thẩm quyền về Thi hành án dân sự.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà G tự khai không có.

2. Án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Ngô Thị G chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0028731 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà G đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Ngô Thị G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Ông Nguyễn Duy C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- TANDTPHCM;
- UBND xã Gia Bình,
huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hà Thị Hoài